

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Về việc mua sắm hóa chất)

**Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa**

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ (viết tắt: Trung tâm) có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có cơ sở lựa chọn nhà cung cấp nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin nhận báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ.  
- Địa chỉ: số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.  
- Số điện thoại: 02923 831030  
- Email: ttkiemnghiemct@gmail.com

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Việc tiếp nhận báo giá qua 1 trong 2 cách thức sau:

2.1. Nhận qua email: ttkiemnghiemct@gmail.com với tiêu đề [số văn bản yêu cầu báo giá]

- + File mềm: file báo giá (theo mẫu báo giá).
- + Bản scan báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu).

2.2. Đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp:

- + File mềm: file báo giá (theo mẫu báo giá) gửi qua địa chỉ email: ttkiemnghiemct@gmail.com
- + Bản giấy báo giá (theo mẫu báo giá, có chữ ký và đóng dấu)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23/9/2025 đến hết 17 giờ ngày 02/10/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Kể từ ngày báo giá đến hết ngày 31/12/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục: Theo phụ lục 1 (đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, số 399/9 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.

### 3. Các thông tin bắt buộc:

- Các báo giá cần có đầy đủ thông tin: Tên nhà cung cấp, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại liên hệ, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của nhà cung cấp.

- Giá chào là đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan (nếu có).

- Nhà cung cấp cam kết giao đúng và đủ các mặt hàng theo đúng báo giá sau khi được chọn.

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/kinh doanh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa phù hợp với hàng hóa cần báo giá; Giấy chứng nhận ISO, GLP (nếu có), Giấy ủy quyền của nhà sản xuất (nếu có) và các tài liệu liên quan được đóng dấu rõ ràng.

+ Các mặt hàng cần ghi rõ tên hàng, quy cách đóng gói theo nhà sản xuất (khối lượng/ đơn vị đóng gói), nguồn gốc/ xuất xứ, giá cả, hạn dùng của từng loại mặt hàng, CoA hoặc Phiếu kiểm nghiệm chất lượng, tình trạng hàng hóa (có sẵn, đặt hàng...).

Các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 (đính kèm). Trường hợp nhà cung cấp không sử dụng đúng biểu mẫu báo giá của Trung tâm nhưng nội dung cung cấp đầy đủ, rõ ràng và đảm bảo các thông tin cần thiết theo yêu cầu thì vẫn được chấp nhận.

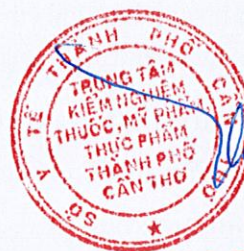
4. Báo giá phải gửi đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu báo giá tại khoản 1,2,3 Phần II.

Trân trọng./. *Muh*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc, các phòng;
- Phòng HCQT-TCCB (Đăng trang web);
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**



*[Signature]*  
**Lê Thị Cẩm Thúy**



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM**

Phụ lục 1

**DANH MỤC HÓA CHẤT**

(Đính kèm Thông báo số 469 /TB-TTKN ngày 23 tháng 9 năm 2025  
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ)

| STT | Tên                                    | Công thức/<br>Tên khoa học | Quy cách đóng gói                                                            | Số<br>lượng | Tính năng kỹ<br>thuật                       | Nguồn gốc/<br>Xuất xứ      |
|-----|----------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Diethylamin                            | $C_4H_{11}N$               | Chai 500 ml                                                                  | 02          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Châu Á                     |
| 2.  | Kali dihydrophosphat                   | $KH_2PO_4$                 | Chai 500 g                                                                   | 04          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Châu Á                     |
| 3.  | Toluen                                 | $C_6H_5CH_3$               | Chai 500 ml                                                                  | 10          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Châu Á                     |
| 4.  | Trilon B 0,05M                         | -                          | Ống                                                                          | 03          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Châu Á                     |
| 5.  | Silicagel (hút ẩm)                     | -                          | Thẻ tích gói: (Gói<br>10gam x 30gói)/ Gói<br>Kích thước: 65*68 mm<br>Loại: A | 04          | Chất hút ẩm<br>dùng bảo quản<br>thiết bị IR | Hãng<br>Yamani/<br>Nhóm G7 |
| 6.  | 1-butane sulfonic acid sodium<br>salt  | $C_4H_9NaO_3S$             | Chai 25 g                                                                    | 02          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Nhóm G7                    |
| 7.  | 1-heptane sulfonic acid sodium<br>salt | $C_7H_{15}NaO_3S$          | Chai 25 g                                                                    | 03          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Nhóm G7                    |
| 8.  | Acid phosphoric                        | $H_3PO_4$                  | Chai 1 lít                                                                   | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Nhóm G7                    |
| 9.  | Amoni acetat                           | $C_2H_7NO_2$               | Chai 1 kg                                                                    | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích            | Nhóm G7                    |

| STT | Tên                                                   | Công thức/<br>Tên khoa học                                     | Quy cách đóng gói | Số<br>lượng | Tính năng kỹ<br>thuật               | Nguồn gốc/<br>Xuất xứ |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|-------------------------------------|-----------------------|
| 10. | Amoni clorid                                          | $\text{NH}_4\text{Cl}$                                         | Chai 500 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 11. | Amoni nitrat                                          | $\text{NH}_4\text{NO}_3$                                       | Chai 500 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 12. | Bismuth nitrat base / Bismuth<br>subnitrat            | $4\text{BiNO}_3(\text{OH})_2 \cdot$<br>$\text{BiO}(\text{OH})$ | Chai 500 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 13. | Dung dịch Trilon B 0,05M                              | $\text{C}_{10}\text{H}_{18}\text{N}_2\text{Na}_2\text{O}_{10}$ | Chai 1 lít        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 14. | Kali bromid                                           | $\text{KBr}$                                                   | Chai 100 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho IR           | Nhóm G7               |
| 15. | Kali dihydrophosphat                                  | $\text{KH}_2\text{PO}_4$                                       | Chai 1 kg         | 03          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 16. | Natri metabisulfit                                    | $\text{Na}_2\text{O}_5\text{S}_5$                              | Chai 500 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 17. | Hydrogen peroxyd 100 tt<br>(Hydrogen peroxyd đậm đặc) | $\text{H}_2\text{O}_2$                                         | Chai 1 lít        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 18. | Polyethylen glycol 400 / PEG<br>400                   | $\text{H}(\text{OCH}_2\text{CH}_2)_n\text{OH}$                 | Chai 1 lít        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 19. | Solvent                                               | -                                                              | Chai 1 lít        | 02          | Tinh khiết dùng<br>cho Karl Fischer | Nhóm G7               |
| 20. | Tetra-n-butylamoni hydroxyd<br>40wt%                  | $(\text{C}_4\text{H}_9)_4\text{NOH}$                           | Chai 250 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 21. | Tetra-n-butylamonium hydrogen<br>sulfat               | $\text{C}_{16}\text{H}_{37}\text{NO}_4\text{S}$                | Chai 250 g        | 01          | Tinh khiết dùng<br>cho phân tích    | Nhóm G7               |
| 22. | Titrant 5                                             | -                                                              | Chai 1 lít        | 02          | Tinh khiết dùng<br>cho Karl Fischer | Nhóm G7               |

**Tổng cộng: 22 mặt hàng**

*mds*

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....  
 ĐỊA CHỈ:.....  
 SỐ ĐIỆN THOẠI:.....  
 MÃ SỐ THUẾ:.....

### BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TB-TTKN ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thành phố Cần Thơ, chúng tôi báo giá cho **Danh mục hóa chất** như sau:

1. Báo giá, cụ thể:

| Stt            | Stt theo danh mục yêu cầu báo giá | Tên hàng | Quy cách đóng gói theo nhà sản xuất | Số lượng | Tính năng kỹ thuật | Nguồn gốc/ Xuất xứ | Đơn giá đã bao gồm phí, lệ phí và các chi phí liên quan (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | CoA/ Phiếu kiểm nghiệm chất lượng |       | Tình trạng hàng hóa |                             | Hạn dùng |
|----------------|-----------------------------------|----------|-------------------------------------|----------|--------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|-------|---------------------|-----------------------------|----------|
|                |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  | Có                                | Không | Có sẵn              | Đặt hàng (Ghi rõ thời gian) |          |
| 1              |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| 2              |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| n              |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| Tổng chi phí   |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| Thuế VAT       |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| TỔNG CỘNG      |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |
| Bằng chữ:..... |                                   |          |                                     |          |                    |                    |                                                               |                  |                                   |       |                     |                             |          |

2. Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).
3. Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày báo giá đến hết ngày **31/12/2025**.
4. Chúng tôi cam kết:
  - Về chất lượng sản phẩm của mình cung cấp.
  - Thực hiện cung cấp đầy đủ, đúng số lượng và đơn giá tất cả các mặt hàng theo báo giá mình cung cấp.
  - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Giá trị của các tài sản nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm qui định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2025  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký tên và đóng dấu)